

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính số 137/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1391/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103024916 ngày 26 tháng 5 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 07 lần được cấp giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

686.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 04.37878108
Fax : 04.37878113
E-mail : infor@sdfc.com.vn
Mã số thuế : 0 1 0 2 7 5 9 9 3 5

Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

Công ty hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (Trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội), chi tiết:

- Bảo lãnh: Bảo lãnh bằng uy tín và khả năng tài chính của mình với người nhận bảo lãnh;
- Công ty được cấp tín dụng dưới hình thức khác nhau theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Mở tài khoản và dịch vụ ngân quỹ:
 - Mở tài khoản: Công ty được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nơi Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà đặt trụ sở chính và các ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Việc mở tài khoản tiền gửi ngân hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam phải được Ngân hàng nhà nước cho phép;
 - Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà có nhận tiền gửi phải mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì tại đó số dư bình quân không thấp hơn mức quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 - Dịch vụ ngân quỹ: Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà được thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho các khách hàng.
- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng khác;
- Đầu tư cho các dự án theo hợp đồng;
- Tham gia thị trường tiền tệ;
- Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp;
- Được quyền nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân theo hợp đồng;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng;

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Thực hiện một số hoạt động ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về quản lý ngoại hối:
- Cung cấp các giao dịch hối đoái dưới hình thức giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi, quyền lựa chọn và các giao dịch hối đoái khác phù hợp với thông lệ quốc tế;
- Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên bằng ngoại tệ; Phát hành trái phiếu, giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; Vay vốn bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng ngoại tệ; chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố các giấy tờ có giá bằng ngoại tệ; bảo lãnh tín dụng bằng ngoại tệ;
- Cung cấp các dịch vụ ủy thác và quản lý tài sản bằng ngoại hối;
- Cung ứng các dịch vụ tư vấn cho khách hàng về ngoại hối;
- Nhận và chi, trả ngoại tệ: ủy nhiệm cho các tổ chức kinh tế làm đại lý đổi ngoại tệ, đại lý chi, trả ngoại tệ.

Hoạt động trung gian tiền tệ khác, chi tiết:

- Công ty huy động vốn từ các nguồn:
- Nhận tiền gửi có kỳ hạn từ một năm trở lên của tổ chức theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế;
- Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, các tổ chức trong và ngoài nước.
- Công ty cho vay dưới các hình thức:
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- Cho vay ủy thác của Chính phủ, của các tổ chức, trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Luật và Tổ chức tín dụng và các hợp đồng ủy thác;
- Cho vay tiêu dùng bằng hình thức cho vay mua trả góp;
- Chiết khấu, tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu và các giấy tờ có giá khác:
- Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác với các tổ chức và cá nhân;
- Công ty và các tổ chức tín dụng khác được tái chiết khấu, cầm cố thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác cho nhau.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm Báo cáo này (từ trang 08 đến trang 36).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

AA98
CHI M
CÓN
CH NH
M TOÁN
A
TẠI
G ĐÀ

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Quốc Minh	Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Anh Vinh	Thành viên HĐQT
Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT
Ông Phùng Quang Tuyên	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Anh Vinh	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Duy Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Xuân Cảnh	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Minh Cường	Trưởng Ban Kiểm soát – Không chuyên trách
Bà Nguyễn Thị Việt Oanh	Thành viên không chuyên trách
Ông Vũ Văn Doanh	Thành viên chuyên trách
Bà Phạm Thị Nhân	Thành viên chuyên trách

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- ❖ Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán. Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- ❖ Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- ❖ Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chế độ kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đặng Anh Vinh

Ngày 06 tháng 8 năm 2015



Số: 342/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ**

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (sau đây gọi tắt là "SDFC") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2015, từ trang 08 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi nhận thấy có vấn đề cần nhấn mạnh sau:

Như được trình bày tại các thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ cho hai khoản sau:

- Khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (sau đây được gọi tắt là STL) là 210 tỷ VND (số dư tại 30 tháng 6 năm 2015) đã đáo hạn từ năm 2012 nhưng chưa thu hồi được (thuyết minh V.6).
- Khoản phải thu STL là 450 tỷ VND (31/12/2014 là 450 tỷ) được ghi nhận trong khoản mục "Các khoản phải thu" (thuyết minh số V.10)

Theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước “Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” thì các khoản nợ trên cần được phân loại vào nợ nhóm 5 và phải trích lập dự phòng với tỷ lệ là 100%.

Theo điều 24 – Điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 02, đối với các tài sản phát sinh trước ngày hiệu lực của Thông tư 02 (ngày 01 tháng 6 năm 2014), tổ chức tín dụng phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình tài sản cũng như kế hoạch trích lập dự phòng và tiến hành phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro đối với các tài sản này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước cho từng trường hợp cụ thể. Tại ngày 07 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã gửi các tổ chức tín dụng Văn bản số 3038/NHNN-TTGSNH, trong đó đề cập “...trường hợp tổ chức tín dụng trích lập dự phòng rủi ro lớn dẫn đến lỗ, tổ chức tín dụng đề xuất phương án trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với tình hình và khả năng tài chính, báo cáo Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận”. Theo đó, Công ty đã gửi Công văn số 559/CV-TDDN ngày 30 tháng 9 năm 2014 tới NHNN xin ý kiến chấp thuận phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên.

Tại ngày 14 tháng 11 năm 2014, Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng đã có Công văn số 8491/NHNN-TTGSNH phúc đáp, trong đó đề cập “...Về đề nghị chấp thuận cơ chế xử lý các khoản nợ của Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (đề nghị việc trích lập dự phòng rủi ro và đề nghị Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam mua lại nợ xấu của Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long): Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét, xử lý các đề nghị này khi xem xét tổng thể Phương án tái cơ cấu lại SDFC...”.

Ngày 23 tháng 01 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản về việc chấp thuận chủ trương cho một ngân hàng thương mại cổ phần trong nước tham gia cơ cấu lại SDFC. Hiện nay SDFC và đối tác đang triển khai các công việc liên quan để cơ cấu lại toàn diện SDFC. Theo kế hoạch thống nhất giữa SDFC và đối tác thì hai bên sẽ trình Ngân hàng Nhà nước phương án cơ cấu lại SDFC và dự kiến hoàn thành việc cơ cấu lại SDFC trong năm 2015

Tại thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, do chưa nhận được phản hồi của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước nên trong Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty vẫn đang phân loại và trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư và phải thu này ở nợ nhóm 3 theo đúng phương án đã trình Cơ quan thanh tra, giám sát - Ngân hàng Nhà nước.

Đây cũng là vấn đề đã được chúng tôi đề cập trong mục “Các vấn đề cần nhấn mạnh” trên Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy – Phó Giám đốc

Trần Anh Tuấn – Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN	100			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	110	V.1	39.755.593	125.437.213
II Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam ('NHNN')	120	V.2	40.712.339	35.567.759
III Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	130	V.3	18.207.353.472	29.032.855.918
1 Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	131		18.207.353.472	29.032.855.918
2 Cho vay các TCTD khác	132		-	-
3 Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	133		-	-
IV Chứng khoán kinh doanh	140	V.4	718.932	718.932
1 Chứng khoán kinh doanh	141		1.392.496	1.392.496
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	142		(673.564)	(673.564)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	150		-	-
VI Cho vay khách hàng	160	V.5	136.403.305.883	169.596.714.569
1 Cho vay khách hàng	161		158.683.303.188	189.751.699.678
2 Dự phòng rủi ro cho khách hàng	162		(22.279.997.305)	(20.154.985.109)
VII Chứng khoán đầu tư	170	V.6	179.856.913.732	226.791.366.653
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng đi bán	171		90.000.000.000	90.000.000.000
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	172		135.000.000.000	175.000.000.000
3 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	173		(45.143.086.268)	(38.208.633.347)
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn	180	V.7	11.145.215.506	11.145.215.506
1 Đầu tư vào công ty con	181		-	-
2 Vốn góp liên doanh	182		-	-
3 Đầu tư vào công ty liên kết	183		-	-
4 Đầu tư dài hạn khác	184		12.090.000.000	12.090.000.000
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	185		(944.784.494)	(944.784.494)

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
IX Tài sản cố định	190		334.186.533	418.873.628
1 Tài sản cố định hữu hình	191	V.8	93.469.690	124.823.451
<i>Nguyên giá</i>	192		4.150.876.017	4.150.876.017
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	193		(4.057.406.327)	(4.026.052.566)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	194		-	-
<i>Nguyên giá</i>	195		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	196		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	197	V.9	240.716.843	294.050.177
<i>Nguyên giá</i>	198		2.076.771.873	2.076.771.873
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	199		(1.836.055.030)	(1.782.721.696)
X Bất động sản đầu tư	200		-	-
<i>Nguyên giá</i>	201		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	202		-	-
XI Tài sản có khác	210		653.157.888.619	891.679.754.609
1 Các khoản phải thu	211	V.10	607.524.643.341	794.538.778.851
2 Các khoản lãi, phí phải thu	212	V.11	119.015.132.660	156.794.396.354
3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại	213		-	-
4 Tài sản Có khác	214	V.12	17.220.257.615	17.547.261.714
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	215	V.13	(90.602.144.997)	(77.200.682.310)
TỔNG TÀI SẢN CÓ	220		999.186.050.609	1.328.826.504.787

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã	Thuyết		
	số	minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	300			
I. Các khoản Nợ chính phủ và NHNN	310		-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	320	V.14	88.322.635.277	315.353.441.020
1 Tiền gửi của các TCTD khác	321		10.000.000.000	68.853.441.020
2 Vay các TCTD khác	322		78.322.635.277	246.500.000.000
III. Tiền gửi của khách hàng	330	V.15	3.650.000.000	2.850.000.000
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	340		-	-
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	350	V.16	30.000.000.000	43.000.000.000
VI. Phát hành giấy tờ có giá	360	V.17	15.000.000.000	65.000.000.000
VII. Các khoản nợ khác	370		79.005.908.680	119.162.382.571
1 Các khoản lãi, phí phải trả	371	V.18	32.920.282.220	71.356.210.913
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	372		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	373	V.19	46.085.626.460	47.806.171.658
4. Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)	374		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			215.978.543.957	545.365.823.591
VIII. Vốn và các quỹ	400	V.21	783.207.506.652	783.460.681.196
1 Vốn của TCTD	401		686.000.000.000	686.000.000.000
a Vốn điều lệ	402		686.000.000.000	686.000.000.000
b Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	403		-	-
c Thặng dư vốn cổ phần	404		-	-
d Cổ phiếu quỹ	405		-	-
e Cổ phiếu ưu đãi	406		-	-
g Vốn khác	407		-	-
2. Quỹ của TCTD	408		83.281.705.841	81.469.096.474
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	409		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	410		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/ Lũy kế	411		13.925.800.811	15.991.584.722
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	430		999.186.050.609	1.328.826.504.787

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	Nghĩa vụ Nợ tiềm ẩn	10	41.278.444.545	56.985.497.628
1.	Bảo lãnh vay vốn	11	-	-
2.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	12	-	-
3.	Bảo lãnh khác	13	41.278.444.545	56.985.497.628
II	Các cam kết đưa ra	20	-	-
1.	Cam kết tài trợ cho khách hàng	21	-	-
2.	Cam kết khác	22	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Quang Hải

Kế toán trưởng

Đặng Xuân Cảnh

Lập, ngày 06 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đặng Anh Vinh

9816
HI NH
ÔNG
NHIỆM
TOÁN V
A &
AI H
ĐA

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	1	VI.1	37.997.542.825	35.375.277.371
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	2	VI.2	15.835.948.741	29.477.881.812
I Thu nhập lãi thuần	3		22.161.594.084	5.897.395.559
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4		-	810.000
4 Chi phí hoạt động dịch vụ	5		-	-
II Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	10		-	810.000
III Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	20		-	-
IV Lãi/ Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	30		-	2.192.268.679
V Lãi/ Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	40		-	-
5 Thu nhập từ hoạt động khác	41		8.685.511.090	3.742.305.319
6 Chi phí hoạt động khác	42		-	-
VI Lãi/ Lỗ thuần từ hoạt động khác	50	VI.3	8.685.511.090	3.742.305.319
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	60		-	-
VIII Chi phí hoạt động	70	VI.4	6.543.850.911	5.811.920.237
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	80		24.303.254.263	6.020.859.320
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	90		23.256.438.894	2.519.022.930
XI Tổng lợi nhuận trước thuế	100		1.046.815.369	3.501.836.390
7 Chi phí thuế TNDN hiện hành	101	V.20	393.685.230	812.514.328
8 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	102		-	-
XII Chi phí thuế TNDN	110		393.685.230	812.514.328
XIII Lợi nhuận sau thuế	120		653.130.139	2.689.322.062
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu	140	VI.5	9,52	39,20

Lập, ngày 06 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Quang Hải

Đặng Xuân Cảnh

Đặng Anh Vinh

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		75.776.806.519	74.409.981
2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả (*)		(54.271.901.760)	(4.151.356.108)
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		-	810.000
4. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		-	-
5. Thu nhập khác		7.890.000.000	22.180.000
6. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		-	-
7. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ (*)		(6.607.083.674)	(4.913.053.303)
8. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ (*)		(2.261.213.051)	(3.790.265.688)
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
9. (Tăng)/ Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10. (Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		40.000.000.000	-
11. (Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
12. (Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng		31.068.396.490	(137.087.376.850)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		-	-
14. (Tăng)/ Giảm khác về tài sản hoạt động		185.780.085.561	249.094.474.408
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/ (Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	-
16. Tăng/ (Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		(227.030.805.743)	(52.134.027.778)
17. Tăng/ (Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		800.000.000	400.000.000
18. Tăng/ (Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(50.000.000.000)	(26.000.000.000)
19. Tăng/ (Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(13.000.000.000)	-
20. Tăng/ (Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
21. Tăng/ (Giảm) khác về công nợ hoạt động		1.039.676.172	(2.720.706.755)
22. Chi từ các quỹ của TCTD (*)		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.816.039.486)	18.795.087.907

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
		Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Mua sắm tài sản cố định (*)		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
3. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (*)		-	-
4. Mua sắm bất động sản đầu tư (*)		-	-
5. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
6. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
7. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
8. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
9. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
2. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
3. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác (*)		-	-
4. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia (*)		(90.000.000)	(1.000.000)
5. Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ (*)		-	-
6. Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(90.000.000)	(1.000.000)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.906.039.486)	18.794.087.907
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm	VII.2	29.193.860.890	5.047.896.466
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	VII.2	18.287.821.404	23.841.984.373

Lập, ngày 06 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Hải

Đặng Xuân Cảnh

Đặng Anh Vinh

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Tài chính – Ngân hàng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán thống nhất ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán theo quy định trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Hình thức sổ sách kế toán là nhật ký chung trên máy vi tính.
4. **Cơ sở đánh giá áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính**
Các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

1. **Chuyển đổi ngoại tệ**
Nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ, được quy đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỉ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá quy đổi tại thời điểm ngày 30/06/2015:	21.673 VND/USD
31/12/2014:	21.246 VND/USD

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Trong đó các khoản lãi được ghi nhận vào thu nhập đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn.

Đối với số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn Công ty hạch toán vào chi phí hoạt động và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu... là số lãi phải thu trong kỳ.

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần được hạch toán khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

3. Cho vay

Tiền vay được ghi nhận khi Công ty và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Công ty giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với đơn vị và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư, vay hợp vốn, vay trả góp hoặc cầm cố bằng sổ tiết kiệm, chứng từ có giá...

Hình thức đảm bảo tiền vay là bằng thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh hoặc dưới hình thức tín chấp.

Nguyên tắc phân loại nợ vay và đánh giá rủi ro tín dụng căn cứ vào quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tín dụng căn cứ vào các khoản nợ vay đã được phân loại. Việc tính toán dự phòng và tỷ lệ trích lập được căn cứ vào các quy định tại các Quyết định nêu trên. Tỷ lệ trích lập cụ thể như sau:

- Nhóm 1	0%
- Nhóm 2	5%
- Nhóm 3	20%
- Nhóm 4	50%
- Nhóm 5	100%

Theo công văn số 3038/NHNN-TTGSNH ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước thì trường hợp tổ chức tín dụng trích lập dự phòng rủi ro lớn dẫn đến lỗ, tổ chức tín dụng đề xuất phương án trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với tình hình và khả năng tài chính, báo cáo Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận. Công ty đã có công văn số 389/CV-TD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 đề xuất phương án trích lập dự phòng gửi Ngân hàng Nhà nước.

Việc xóa sổ các khoản nợ vay không có khả năng thu hồi căn cứ vào các quy định của Quyết định nêu trên.

4. Kinh doanh và đầu tư chứng khoán

Các khoản kinh doanh chứng khoán, đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường mà tại thời điểm kiểm kê, lập báo cáo tài chính có giá thị trường giảm xuống so với giá gốc ghi trên sổ kế toán. Chứng khoán không được mua bán tự do trên thị trường thì không được lập dự phòng.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	03 – 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03

6. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong vòng 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

9. Vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định tại Nghị định số 57/2012/NĐ – CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ.

10. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

11. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của các tổ chức tín dụng khác, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro (TCTD) và các khoản nợ khác

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

12. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt bằng VND	39.755.593	125.437.213

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi thanh toán	40.712.339	35.567.759

3. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác</i>	<i>18.207.353.472</i>	<i>29.032.855.918</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	18.164.150.524	28.988.691.986
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	43.202.948	44.163.932
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	-	-
<i>Cho vay các TCTD khác bằng VND</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	<u>18.207.353.472</u>	<u>29.032.855.918</u>

4. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chứng khoán vốn</i>		
Chứng khoán vốn do TCTD khác trong nước phát hành	819.897	819.897
Chứng khoán vốn do tổ chức kinh tế trong nước phát hành	572.599	572.599
<i>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</i>	<i>(673.564)</i>	<i>(673.564)</i>
Cộng	<u>718.932</u>	<u>718.932</u>

Mã chứng khoán	<u>Số lượng cổ phần</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Giá trị dự phòng</u>
ACB	18	819.897	(539.097)
HPG	10	376.132	-
DIG	5	196.467	(134.467)
Cộng		<u>1.392.496</u>	<u>(673.564)</u>

5. Cho vay khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho vay khách hàng	158.683.303.188	189.751.699.678
<i>Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước</i>	<i>146.362.479.288</i>	<i>177.430.875.778</i>
<i>Các khoản nợ chờ xử lý (i)</i>	<i>12.320.823.900</i>	<i>12.320.823.900</i>
<i>Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng</i>	<i>(22.279.997.305)</i>	<i>(20.154.985.109)</i>
Cộng	<u>136.403.305.883</u>	<u>169.596.714.569</u>

(i) Khoản nợ chờ xử lý là khoản lỗ do chuyển đổi trái phiếu của Tập đoàn Vinashin thành trái phiếu của Công ty mua bán nợ DATC. Khoản lỗ này được phân bổ vào chi phí trong 5 năm theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀĐịa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Phân tích chất lượng nợ vay</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ đủ tiêu chuẩn	125.673.844.999	161.757.514.826
Nợ cần chú ý	2.920.872.597	50.000.000
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.526.228.051	-
Nợ nghi ngờ	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	15.241.533.641	15.623.360.952
Cộng	<u>146.362.479.288</u>	<u>177.430.875.778</u>

<i>Phân tích dư nợ theo thời gian</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ ngắn hạn	82.257.058.155	104.200.405.418
Nợ trung hạn	9.860.304.725	11.309.353.952
Nợ dài hạn	54.245.116.408	61.921.116.408
Cộng	<u>146.362.479.288</u>	<u>177.430.875.778</u>

<i>Dự phòng rủi ro cho vay</i>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập</u>	<u>(Hoàn nhập)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự phòng cụ thể	18.728.566.927	3.000.656.877	(432.633.591)	21.296.590.213
Dự phòng chung	1.426.418.182	-	(443.011.090)	983.407.092
Cộng	<u>20.154.985.109</u>	<u>3.000.656.877</u>	<u>(875.644.681)</u>	<u>22.279.997.305</u>

6. Chứng khoán đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	90.000.000.000	90.000.000.000
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	135.000.000.000	175.000.000.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán	(43.143.086.268)	(38.208.633.347)
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	<i>(15.375.586.268)</i>	<i>(12.896.133.347)</i>
<i>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>(29.767.500.000)</i>	<i>(25.312.500.000)</i>
Cộng	<u>179.856.913.732</u>	<u>226.791.366.653</u>

Chi tiết các khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty như sau:

<u>Chi tiết</u>	<u>Giá trị đầu tư</u>	<u>Ngày phát hành</u>	<u>Ngày đến hạn ban đầu</u>	<u>Lãi suất (%)</u>
<i>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</i>				
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long - Đợt 2 ⁽ⁱ⁾	90.000.000.000	19/10/2009	19/10/2012	18,20%
Cộng	<i>90.000.000.000</i>			
<i>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long - Đợt 1 ⁽ⁱ⁾	120.000.000.000	19/08/2009	19/08/2012	18,00%
Chứng khoán nợ DATC	15.000.000.000	25/07/2013	25/07/2023	8,90%
Cộng	<i>135.000.000.000</i>			

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(15.375.586.268)	(12.896.133.347)
Dự phòng trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long ⁽ⁱ⁾	(15.375.586.268)	(12.896.133.347)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(29.767.500.000)	(25.312.500.000)
Dự phòng trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long ⁽ⁱ⁾	(29.655.000.000)	(24.900.000.000)
Trái phiếu Tập đoàn Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾	-	(300.000.000)
Chứng khoán nợ DATC ⁽ⁱⁱ⁾	(112.500.000)	(112.500.000)
Cộng	<u>(45.143.086.268)</u>	<u>(38.208.633.347)</u>

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp với giá trị ghi sổ là 210 tỷ VND (31/12/2014: 210 tỷ VND) đã đáo hạn từ năm 2012. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thu được khoản đầu tư này từ tổ chức phát hành trái phiếu mặc dù đã nhiều lần yêu cầu Công ty phát hành trái phiếu thanh toán. Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết với các bên có liên quan cũng như các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết vấn đề này.

Theo điều 24 – Điều khoản chuyển tiếp của Thông tư số 02, đối với các tài sản phát sinh trước ngày hiệu lực của Thông tư 02 (ngày 01 tháng 6 năm 2014), tổ chức tín dụng phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình tài sản cũng như kế hoạch trích lập dự phòng và tiến hành phân loại nợ, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng rủi ro đối với các tài sản này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước cho từng trường hợp cụ thể. Theo đó, Công ty đã gửi Công văn số 559/CV-TDDN ngày 30 tháng 9 năm 2014 tới NHNN xin ý kiến chấp thuận phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên. Tại ngày 14 tháng 11 năm 2014, Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng đã có Công văn số 8491/NHNN-TTGSNNH phúc đáp, trong đó đề nghị Công ty khẩn trương hoàn thiện phương án tái cơ cấu và NHNN sẽ xem xét xử lý kiến nghị của Công ty trong tổng thể phương án tái cơ cấu của Công ty. Do chưa nhận được phản hồi của NHNN, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn đang phân loại và trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này ở nợ nhóm 3 theo phương án đã trình Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

- (ii) Công ty trích dự phòng chung 0.75% trên số dư nợ trái phiếu Tập đoàn Sông Đà và trái phiếu DATC tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

7. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư dài hạn khác	12.090.000.000	12.090.000.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam	9.090.000.000	9.090.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco - Fanxifang	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(944.784.494)	(944.784.494)
Cộng	<u>11.145.215.506</u>	<u>11.145.215.506</u>

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình***Tài sản cố định hữu hình kỳ này*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.399.353.599	2.513.958.782	237.563.636	4.150.876.017
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.399.353.599	2.513.958.782	237.563.636	4.150.876.017
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.339.553.599	2.513.958.782	-	3.853.512.381
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.335.364.317	2.512.341.386	178.346.863	4.026.052.566
Trích khấu hao trong kỳ	5.980.000	1.617.396	23.756.365	31.353.761
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.341.344.317	2.513.958.782	202.103.228	4.057.406.327
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	63.989.282	1.617.396	59.216.773	124.823.451
Số cuối kỳ	58.009.282	-	35.460.408	93.469.690
<i>Trong đó:</i>				
- Không cần dùng	-	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình năm 2014

	Máy móc, Thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.399.353.599	2.513.958.782	237.563.636	4.150.876.017
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.399.353.599	2.513.958.782	237.563.636	4.150.876.017
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.339.553.599	1.912.287.782	-	3.251.841.381
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.189.614.671	2.252.705.571	118.965.721	3.561.285.963
Trích khấu hao trong năm	145.749.646	259.635.815	59.381.142	464.766.603
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.335.364.317	2.512.341.386	178.346.863	4.026.052.566
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	209.738.928	261.253.211	118.597.915	589.590.054
Số cuối năm	63.989.282	1.617.396	59.216.773	124.823.451
<i>Trong đó:</i>				
- Không cần dùng	-	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	6 tháng đầu năm 2015	Năm 2014
Phần mềm kế toán		
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.076.771.873	1.756.771.873
Tăng trong năm/kỳ	-	320.000.000
Giảm trong năm/kỳ	-	-
Số cuối năm/kỳ	2.076.771.873	2.076.771.873
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	1.782.721.696	1.661.216.316
Tăng trong năm/kỳ do trích khấu hao	53.333.334	121.505.380
Giảm trong năm/kỳ	-	-
Số cuối năm/kỳ	1.836.055.030	1.782.721.696
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	294.050.177	95.555.557
Số cuối năm/kỳ	240.716.843	294.050.177
<i>Trong đó:</i>		
- Không cần dùng	-	-
- Chờ thanh lý	-	-

10. Các khoản phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long ⁽ⁱ⁾	450.000.000.000	450.000.000.000
Phải thu Công ty CP Xi măng Hạ Long ⁽ⁱⁱ⁾	48.600.998.239	58.877.748.240
Đặt cọc mua trái phiếu chính phủ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	103.963.748.221	280.869.724.055
Phải thu về hỗ trợ lãi suất	4.098.608.441	4.098.608.441
Thuế TNDN nộp thừa	13.499.318	13.499.318
Phải thu khác	847.789.122	679.198.797
Cộng	607.524.643.341	794.538.778.851

(i) Tổng số dư nợ phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long đang theo dõi tại mục "Các khoản phải thu" tại thời điểm ngày 30/6/2015 bao gồm:

- Thực hiện nhận lại khoản nợ 320.000.000.000 VND của Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long (STL) với ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) khi kết thúc hợp đồng vay giữa STL và SHB tại ngày 30/11/2011. Công ty không theo dõi đây là khoản cho vay do nghiệp vụ nợ phát sinh không đầy đủ các tài liệu và tuân thủ đúng quy trình cho vay. Kỳ nhận nợ lại đầu tiên của STL với Công ty là từ ngày 30/11/2011 đến ngày 15/01/2012. Khoản nợ này đã được gia hạn từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/5/2013. Đến thời điểm ngày 30/6/2015 Công ty chưa thực hiện ký kết các phụ lục gia hạn mới. Lãi suất Công ty đang áp dụng là 24%/năm.
- Theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 00200051/008/11/NH ngày 22/3/2011, Công ty thực hiện cho STL vay từ nguồn vốn ủy thác cho vay có chỉ định mục đích của Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long (MHB) với số tiền là 150.000.000.000 VND. Đến ngày 24/12/2011 là thời điểm đáo hạn của hợp đồng này, Công ty đã trả hộ STL và nhận nợ lại khoản vay này từ MHB. Công ty không theo dõi đây là khoản cho vay do nghiệp vụ nợ phát sinh không đầy đủ các tài liệu và tuân thủ đúng quy trình cho vay. Số dư đến ngày 30/6/2015 là 130.000.000.000 VND.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước “Quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” thì các khoản nợ trên được phân loại vào nợ nhóm 5 và phải trích lập dự phòng với tỷ lệ là 100%.

Tại ngày 07 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước đã gửi các tổ chức tín dụng Văn bản số 3038/NHNN-TTGSNH, trong đó đề cập “...trường hợp tổ chức tín dụng trích lập dự phòng rủi ro lớn dẫn đến lỗ, tổ chức tín dụng đề xuất phương án trích lập dự phòng rủi ro phù hợp với tình hình và khả năng tài chính, báo cáo Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận”. Theo đó, Công ty đã gửi Công văn số 559/CV-TDDN ngày 30 tháng 9 năm 2014 tới NHNN xin ý kiến chấp thuận phương án trích lập dự phòng cho hai khoản nói trên. Tại ngày 14 tháng 11 năm 2014, Cơ quan Thanh tra, Giám sát Ngân hàng đã có Công văn số 8491/NHNN-TTGSNH phúc đáp, trong đó đề nghị Công ty khẩn trương hoàn thiện phương án tái cơ cấu và NHNN sẽ xem xét xử lý kiến nghị của Công ty trong tổng thể phương án tái cơ cấu của Công ty. Do chưa nhận được phản hồi của NHNN, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn đang phân loại và trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này ở nợ nhóm 3 theo phương án đã trình Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

(ii) Công ty thực hiện chi trả hộ tiền lãi vay quá hạn cho khoản vay của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Đông Đô với số dư đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 70.690.248.240 VND. Ngày 11 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long đã gửi công văn số 434/CT/TCKT về việc đề nghị điều chỉnh thời gian và kế hoạch trả nợ, theo đó các khoản nợ gốc sẽ được trả hết trong năm 2014. Các khoản lãi phát sinh sẽ được trả trong năm 2015. Hiện tại các khoản nợ đã được trả theo đúng kế hoạch trả nợ.

(iii) Khoản phải thu do đặt cọc trái phiếu:

Theo hợp đồng đặt cọc mua trái phiếu số 01/2011/HĐĐC/SDFC-SMFC ngày 28/7/2011, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ SME (hiện nay được đổi tên là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hữu Nghị FICAP) thực hiện môi giới mua trái phiếu chính phủ cho Công ty. Để thực hiện hợp đồng, Công ty phải đặt cọc hợp đồng là 50% tổng giá trị trái phiếu dự kiến mua tương ứng 500.000.000.000 VND trong thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 28/7/2011 đến ngày 28/7/2012, lãi suất Công ty được hưởng trong thời hạn đặt cọc là 25,5%/năm. Đến thời điểm đáo hạn, bên môi giới vẫn chưa thực hiện được việc mua trái phiếu và hai bên đã thực hiện ký phụ lục hợp đồng để thanh lý một phần hợp đồng đặt cọc nói trên. Giá trị phần còn lại của hợp đồng là 282.500.000.000 VND được gia hạn đến ngày 31/12/2012 với lãi suất áp dụng là 24,2%/năm. Khoản công nợ này được thế chấp bằng giá trị Quyền sử dụng đất tại lô HH2c thuộc khu đô thị Nam An Khánh. Tổng giá trị tài sản thế chấp được xác định là 393 tỷ đồng (786 tỷ đồng x 50%).

Đến ngày 03/5/2013, Tổng công ty Sông Đà đã trả thay cho quỹ SME số tiền là 1.630.275.946 đồng. Đến ngày 29/6/2015, Theo thỏa thuận 4 bên số 01/TT/MB-SDFC-SUDICO-MBAMC, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (SUDICO) đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng 03 lô đất TT69, TT70, TT71 có diện tích 13.515 m² thuộc dự án khu đô thị mới Nam An Khánh cho Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội (SBAMC). Số tiền thu được, SUDICO chuyển 176.905.975.834 đồng cho SDFC để thanh toán khoản nợ gốc đặt cọc mua trái phiếu này. SDFC đồng ý dùng số tiền nhận được từ SUDICO trên để thanh toán một phần nợ vay (nêu tại thuyết minh số 14) với MB.

11. Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	116.133.633.429	121.422.221.192
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	2.417.833.330	5.036.277.775
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	403.283.850	30.335.897.387
Phí và lãi phải thu khác	60.382.051	-
Cộng	119.015.132.660	156.794.396.354

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Tài sản có khác

Là chi phí thuê nhà chờ phân bổ

13. Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bảng khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng rủi ro khác		
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (*)	75.094.159.380	75.094.159.380
- Đặt cọc mua trái phiếu (**)	2.106.522.930	2.106.522.930
Cộng	<u>90.602.144.997</u>	<u>77.200.682.310</u>

(*) Công ty thực hiện trích lập dự phòng ở mức 20% đối với tổng giá trị khoản phải thu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (thuyết minh V.10) sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm.

(**) Theo Công văn số 389/CV-TD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2014 của Công ty gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty đề nghị chỉ thực hiện trích lập dự phòng chung và chưa trích lập dự phòng cụ thể đối với khoản nợ này. Nếu phải thực hiện trích lập dự phòng cụ thể, giá trị tài sản đảm bảo (sau khi được tính khấu trừ) hiện vẫn lớn hơn rất nhiều so với số dư phải thu.

14. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn bằng VND	10.000.000.000	68.853.441.020
Vay các TCTD khác bằng VND	78.322.635.277	246.500.000.000
Cộng	<u>88.322.635.277</u>	<u>315.353.441.020</u>

Chi tiết các khoản tiền gửi, tiền vay của các TCTD khác

Nội dung	Ngày đáo hạn	Lãi suất trong hạn đang áp dụng	Số dư cuối kỳ
Tiền gửi			10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	10/07/2015	6,50%	10.000.000.000
Tiền vay			78.322.635.277
Ngân hàng TMCP Quân Đội	30/09/2015	6,00%	78.322.635.277
Cộng			<u>88.322.635.277</u>

15. Tiền gửi của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng VND	3.650.000.000	2.850.000.000
- Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà	250.000.000	450.000.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	2.400.000.000	1.400.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vạn Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng ngoại tệ	-	-
Cộng	<u>3.650.000.000</u>	<u>2.850.000.000</u>

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

Là khoản vốn Công ty nhận ủy thác đầu tư từ Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI) ngày 03/11/2011. Khoản nhận ủy thác này có thời hạn từ 03/11/2011 đến 05/11/2012. Theo công văn số 609/PVI - ĐTTC ngày 29/11/2013 thì SDFC phải thanh toán gốc và lãi phát sinh chậm nhất 31/12/2014 và lãi suất áp dụng là 8%/năm. Theo biên bản làm việc số 02/2014/BB/PVI-SDFC ngày 11/12/2014 giữa PVI và SDFC thì SDFC cam kết sẽ thanh toán số tiền gốc còn lại 43 tỷ không muộn hơn 30/6/2015.

Theo biên bản làm việc số 03/2015/BB/PVI-SDFC ngày 20/3/2015 thì SDFC đề nghị PVI chấp nhận lộ trình trả nợ 43 tỷ như sau: Trước 30/4/2015 thanh toán 3 tỷ đồng tiền gốc, trước 30/6/2015 thanh toán 20 tỷ đồng tiền gốc và trước 30/9/2015 thanh toán 20 tỷ đồng tiền gốc. Đến thời điểm 30/6/2015 số tiền gốc SDFC còn nợ PVI là 30 tỷ đồng.

17. Phát hành giấy tờ có giá

Là trái phiếu do Công ty phát hành có thời hạn 3 năm từ ngày 30/9/2010 đến ngày 30/9/2013 với lãi suất năm đầu 13,5%/năm.

Trái phiếu phát hành do các tổ chức nắm giữ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	-	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	<u>15.000.000.000</u>	<u>65.000.000.000</u>

Theo Công văn số 3147/2014/CV-TGD của Ngân hàng TMCP Đại Dương gửi SDFC ngày 10/6/2014 thì: Ngân hàng TMCP Đại Dương đồng ý gia hạn thời hạn trả nợ gốc, lãi đến hết quý II năm 2015 theo lộ trình cụ thể. Lãi suất áp dụng là 8%/năm. Đến 30/6/2015 số gốc trái SDFC phải trả cho Ngân hàng TMCP Đại Dương là 15 tỷ đồng, SDFC đã làm công văn gửi Ngân hàng TMCP Đại Dương xin giãn thời hạn trả nợ trái phiếu đến 30/9/2015.

18. Các khoản lãi, phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải trả cho tiền gửi	8.459.814.555	12.854.406.474
Lãi phải trả về phát hành giấy tờ có giá	9.249.717.667	13.231.220.523
Lãi phải trả cho tiền vay	13.607.861.109	45.270.583.916
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	1.602.888.889	-
Cộng	<u>32.920.282.220</u>	<u>71.356.210.913</u>

19. Các khoản phải trả và công nợ khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả bên ngoài	<u>44.641.632.906</u>	<u>46.359.559.529</u>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Xem thêm thuyết minh V.20)	1.070.789.494	2.925.786.785
Các khoản chờ thanh toán khác (*)	43.570.843.412	43.433.772.744
Các khoản phải trả nội bộ	<u>1.443.993.554</u>	<u>1.446.612.129</u>
Các khoản thanh toán cho CBCNV	479.029.881	1.281.699.104
Các khoản nợ khác	964.963.673	164.913.025
Cộng	<u>46.085.626.460</u>	<u>47.806.171.658</u>

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀĐịa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**(*) Chi tiết các khoản chờ thanh toán khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận tiền để hỗ trợ lãi suất	2.730.614.287	2.730.614.287
Cổ tức phải trả của các cổ đông	36.721.050.000	36.811.050.000
Phải trả Tập đoàn Sông Đà tiền thuê trụ sở	615.824.160	615.824.160
Phải trả Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	89.841.678	344.472.236
Lãi phải trả VPBank – Chi nhánh Đông Đô	2.841.596.221	2.841.620.547
Phải trả khác	571.917.066	90.191.514
Cộng	<u>43.570.843.412</u>	<u>43.433.772.744</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số còn phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số còn phải nộp cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng	7.954.545	-	(7.954.545)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.867.527.821	393.685.230	(2.261.213.051)	-
Thuế thu nhập cá nhân	205.827.534	105.388.136	(84.903.061)	226.312.609
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Khoản thu hồi hỗ trợ lãi suất chờ hoàn trả	844.476.885	-	-	844.476.885
Cộng	<u>2.925.786.785</u>	<u>502.073.366</u>	<u>(2.357.070.657)</u>	<u>1.070.789.494</u>

21. Vốn và quỹ của Công ty

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vốn của Tổ chức tín dụng</i>	686.000.000.000	686.000.000.000
Vốn điều lệ	686.000.000.000	686.000.000.000
<i>Quỹ của Tổ chức tín dụng</i>	83.281.705.841	81.469.096.474
Quỹ Đầu tư phát triển	14.779.185.961	14.326.033.619
Quỹ Dự phòng tài chính	54.740.150.104	53.833.845.421
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn chủ sở hữu	13.762.369.776	13.309.217.434
Quỹ khác	-	-
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	13.925.800.811	15.991.584.722
Cộng	<u>783.207.506.652</u>	<u>783.460.681.196</u>

Chi tiết biến động vốn điều lệ theo cổ đông

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà	190.000.000.000	190.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	88.000.000.000	88.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	80.000.000.000	80.000.000.000
Các cổ đông khác	328.000.000.000	328.000.000.000
Cộng	<u>686.000.000.000</u>	<u>686.000.000.000</u>

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết biến động vốn và các quỹ trong 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

	Vốn điều lệ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	686.000.000.000	13.893.000.000	52.967.778.185	12.876.183.816	8.660.672.363	8.660.130	774.406.294.494
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	9.063.046.832	-	9.063.046.832
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	433.033.619	866.067.236	433.033.618	(1.732.134.473)	-	-
Điều chỉnh về quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	-	-	-	(8.660.130)	(8.660.130)
Số dư cuối năm trước	686.000.000.000	14.326.033.619	53.833.845.421	13.309.217.434	15.991.584.722	-	783.460.681.196
Số dư đầu năm nay	686.000.000.000	14.326.033.619	53.833.845.421	13.309.217.434	15.991.584.722	-	783.460.681.196
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	653.130.139	-	653.130.139
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	453.152.342	906.304.683	453.152.342	(2.718.914.050)	-	(906.304.683)
Số dư cuối kỳ	686.000.000.000	14.779.185.961	54.740.150.104	13.762.369.776	13.925.800.811	-	783.207.506.652

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.600.000	68.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	68.600.000	68.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.600.000	68.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.600.000	68.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.600.000	68.600.000

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi và cho vay	8.740.901.583	18.759.301.545
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	2.070.999.999	3.073.486.109
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	185.861.915	291.767.994
Thu khác từ hoạt động tín dụng	26.999.779.328	13.250.721.723
Cộng	37.997.542.825	35.375.277.371

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	1.692.355.558	7.836.510.164
Trả lãi tiền vay	2.468.583.333	15.804.763.888
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.122.316.588	5.819.072.222
Chi phí hoạt động tín dụng khác	10.552.693.262	17.535.538
Cộng	15.835.948.741	29.477.881.812

3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	8.685.511.090	3.742.305.319
Thu từ hoàn nhập dự phòng tín dụng	795.511.090	3.720.125.319
Các khoản thu khác	7.890.000.000	22.180.000
<i>Chi phí từ hoạt động khác</i>	-	-
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	8.685.511.090	3.742.305.319

4. Chi phí hoạt động

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế; các khoản phí, lệ phí	275.170.749	142.295.281
Chi phí cho nhân viên	2.835.163.466	2.998.424.600
Chi hoạt động quản lý và công cụ	2.969.250.985	1.858.682.028
Chi về tài sản	464.265.711	812.518.328
Cộng	6.543.850.911	5.811.920.237



CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	653.130.139	2.689.322.062
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	653.130.139	2.689.322.062
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	68.600.000	68.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9,52	39,20

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	39.755.593	125.437.213
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	40.712.339	35.567.759
Tiền, vàng gửi tại các ngân hàng khác	18.207.353.472	29.032.855.918
Cộng	18.287.821.404	29.193.860.890

2. Báo cáo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là tài chính tiền tệ và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi hệ thống các quy chế tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Công ty không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Công ty. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng, và hoạt động đầu tư tạo ra các chứng khoán nợ. Ngoài ra, còn có rủi ro tín dụng từ các công cụ ngoại bảng như các cam kết vốn. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện tập trung bởi Hội đồng tín dụng với sự tham gia của đại diện Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Việc định lượng rủi ro tín dụng trong các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng và các tổ chức tín dụng khác được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua đánh giá thường xuyên loại tài sản được chấp nhận là tài sản thế chấp và phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	39.755.593	-	39.755.593
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam	40.712.339	-	40.712.339
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	18.207.353.472	-	18.207.353.472
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	120.000.000.000	135.000.000.000
- Chứng khoán đầu tư đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	120.000.000.000	135.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.000.376.132	99.091.016.364	102.091.392.496
- Chứng khoán kinh doanh	376.132	1.016.364	1.392.496
- Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	90.000.000.000	90.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	3.000.000.000	9.090.000.000	12.090.000.000
Các khoản cho vay	131.120.945.647	27.562.357.541	158.683.303.188
Các khoản phải thu khác	172.576.027.780	553.963.748.221	726.539.776.001
Cộng	<u>339.618.480.963</u>	<u>800.983.812.126</u>	<u>1.140.602.293.089</u>

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VND. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của Công ty chủ yếu bằng VND. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Công ty lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Công ty đã quản lý trạng thái ngoại hối mở; kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ; đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng trình bày các tài sản và nợ của Công ty theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ tại 30 tháng 6 năm 2015:

	Tổng	Trong đó		
		EUR	USD	VND
Tài sản tài chính				
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	39.755.593			39.755.593
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	40.712.339			40.712.339
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	18.207.353.472	944,58	897,87	18.164.150.524
Chứng khoán kinh doanh	1.392.496			1.392.496
Cho vay khách hàng	158.683.303.188			158.683.303.188
Chứng khoán đầu tư	225.000.000.000			225.000.000.000
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12.090.000.000			12.090.000.000
Các tài sản Có khác	726.539.776.001			726.539.776.001
Tổng tài sản tài chính	1.140.602.293.089	944,58	897,87	1.140.559.090.141
Nợ phải trả tài chính				
Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác	88.322.635.277			88.322.635.277
Tiền gửi của khách hàng	3.650.000.000			3.650.000.000
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	30.000.000.000			30.000.000.000
Phát hành giấy tờ có giá	15.000.000.000			15.000.000.000
Các khoản nợ khác	77.865.398.303			77.865.398.303
Tổng nợ phải trả tài chính	214.838.033.580	-	-	214.838.033.580
Trạng thái tiền tệ nội bảng	925.764.259.509	944,58	897,87	925.721.056.561
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	925.764.259.509	944,58	897,87	925.721.056.561

Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy rủi ro do biến động của rủi ro tiền tệ đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần ngoại tệ của Công ty nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

002-
NH
TY
HỮU H
A TỬ V
C
NỘI
TP H

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Khoản mục	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian					Tổng	
	Quá hạn	Không chịu lãi	Đến 01 tháng	Từ 01 - 03 tháng	Từ 03 - 12 tháng		Từ 01 năm đến 5 năm
Tài sản							
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	39.755.593						39.755.593
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	40.712.339						40.712.339
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	18.207.353.472						18.207.353.472
Chứng khoán kinh doanh (*)	1.392.496						1.392.496
Cho vay khách hàng (*)	8.000.000.000			121.948.479.288			158.683.303.188
Chứng khoán đầu tư (*)	210.000.000.000						225.000.000.000
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	12.090.000.000						12.090.000.000
Tài sản Có khác (*)	553.963.748.221	172.576.027.780					726.539.776.001
Tổng tài sản	776.701.262.121	192.707.175.869	18.248.065.811	121.581.789.288	-	-	1.140.602.293.089
Nợ phải trả							
Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác	10.000.000.000			78.322.635.277			88.322.635.277
Tiền gửi của khách hàng				1.400.000.000	2.250.000.000		3.650.000.000
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	30.000.000.000						30.000.000.000
Phát hành giấy tờ có giá	15.000.000.000						15.000.000.000
Các khoản nợ khác	77.865.398.303						77.865.398.303
Tổng nợ phải trả	45.000.000.000	77.865.398.303	10.000.000.000	79.722.635.277	2.250.000.000	-	214.838.033.580
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	731.701.262.121	114.841.777.566	8.248.065.811	41.859.154.011	(2.250.000.000)	-	925.764.259.509
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)							-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	731.701.262.121	114.841.777.566	8.248.065.811	41.859.154.011	(2.250.000.000)	-	925.764.259.509

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.200.751.029 VND.

Rủi ro thanh khoản

Công ty thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; Công ty quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Công ty thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất. Ngoài ra, Công ty luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng, cổ đông hiểu rõ mọi hoạt động của Công ty, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

QUẢN LÝ
CH
C
HÁCH
EM T
TA
NG

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

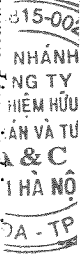
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Công ty theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày đáo hạn:

Khoản mục	Quá hạn		Trong hạn		Tổng		
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng		Từ 3 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm
Tài sản							
Tiền mặt vàng bạc, đá quý		39.755.593					39.755.593
Tiền gửi tại NHNN		40.712.339					40.712.339
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	27.562.357.541	-	18.207.353.472	20.140.872.597	46.924.651.917	64.055.421.133	18.207.353.472
Cho vay khách hàng (*)							158.683.303.188
Chứng khoán kinh doanh (*)			1.392.496				1.392.496
Chứng khoán đầu tư (*)	210.000.000.000					15.000.000.000	225.000.000.000
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)				12.090.000.000			12.090.000.000
Các tài sản Có khác (*)	553.963.748.221	-	172.576.027.780				726.539.776.001
Tổng tài sản	791.892.795.762	-	190.865.241.680	20.140.872.597	59.014.651.917	63.688.731.133	15.000.000.000
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu							
Tiền gửi của và vay từ Ngân hàng Nhà nước và các TCTD khác		10.000.000.000		78.322.635.277			88.322.635.277
Tiền gửi của khách hàng				1.400.000.000	2.250.000.000		3.650.000.000
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	30.000.000.000						30.000.000.000
Phát hành giấy tờ có giá	15.000.000.000						15.000.000.000
Các khoản nợ khác		77.865.398.303					77.865.398.303
Tổng nợ phải trả	-	45.000.000.000	87.865.398.303	79.722.635.277	2.250.000.000	-	214.838.033.580
Chênh lệch thanh khoản ròng	791.892.795.762	(45.000.000.000)	102.999.843.377	(59.581.762.680)	56.764.651.917	63.688.731.133	15.000.000.000

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro



CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 2,3 tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bản cân đối kế toán được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, số liệu so sánh trên Kết quả kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 Các Báo cáo này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Lập, ngày 30 tháng 7 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Hải

Đặng Xuân Cảnh

Đặng Anh Vinh